| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 58/2021/DS-PT
Ngày 03-12-2021
V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Bùi Thị Thúy Hà

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Anh Sơn

Ông Đặng Minh Hạnh

***- Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Thị Huệ, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 về đòi quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận KA, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn Th, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ Đồng Tử 5, phường Phù Liễn, quận KA, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Ông Đỗ Cao Tr, sinh năm 1955; nơi cư trú: Tổ Đồng Tử 5, phường Phù Liễn, quận KA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Đỗ Văn Trai, sinh nam 1962; nơi cư trú: Tổ Đồng Tử 5, phường Phù Liễn, quận KA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Đỗ Văn Quyết, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ Đồng Tử 5, phường Phù Liễn, quận KA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Đỗ Văn Chiến, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ Đồng Tử 5, phường Phù Liễn, quận KA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Đỗ Văn Chín, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ Đồng Tử 5, phường Phù Liễn, quận KA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Bìa, sinh năm 1956 (vợ ông Tài); nơi cư trú: Tổ Đồng Tử 5, phường Phù Liễn, quận KA, thành phố Hải Phòng, là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đỗ Văn Tài; vắng mặt.

+ Chị Đỗ Thị Biển, sinh năm 1992 (con ông Tài); nơi cư trú: Tổ Đồng Tử 5, phường Phù Liễn, quận KA, thành phố Hải Phòng, là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đỗ Văn Tài; vắng mặt.

+ Chị Đỗ Thị Thảo, sinh năm 1995 (con ông Tài); nơi cư trú: Tổ Đồng Tử 5, phường Phù Liễn, quận KA, thành phố Hải Phòng, là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đỗ Văn Tài; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Vũ Đức Vinh, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 8, Đầu phượng, phường Văn Đẩu, quận KA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Vũ Đức Quang, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 8, Đầu Phượng, phường Văn Đẩu, quận KA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Vũ Thị Tuyết, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn Van Khê, xã An Thọ, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Vũ Thị Nhung, sinh năm 1980; nơi cư trú: Xóm Đình, thôn Đào Yêu, xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị Thơm, sinh năm 1971 (vợ ông Đỗ Văn Th); nơi cư trú: Cụm Đồng Tử 5, phường Phù Liễn, quận KA, thành phố Hải Phòng; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn là ông Đỗ Văn Th trình bày:*

Bố mẹ ông là cụ Đỗ Văn Thán và cụ Nguyễn Thị Lan sinh được 08 người con là: Bà Đỗ Thị Hùy (đã chết), ông Đỗ Cao Tr, ông Đỗ Văn Tài (đã chết), ông Đỗ Văn Trai, ông Đỗ Văn Quyết, ông Đỗ Văn Th, ông Đỗ Văn Chiến, ông Đỗ Văn Chín. Hai cụ có tạo dựng được khối tài sản gồm diện tích khoảng 1.852m$^2$ đất tại tổ Đồng Tử 5, phường Phù Liễn, quận KA, thành phố Hải Phòng. Năm 2002 hai cụ tặng cho ông diện tích 400m$^2$ nằm trong tổng số 1.852m$^2$ nêu trên. Việc tặng cho được thể hiện thông qua Đơn đề nghị về việc xin xác nhận thị thực hành chính về đất ở ngày 06/9/2002 có xác nhận của trưởng khu dân cư, cán bộ địa chính và Chủ tịch UBND phường Phù Liễn, quận KA; các ông Đỗ Văn Chiến, Đỗ Văn Trai, Đỗ Văn Chín đều chứng kiến và ký tên xác nhận. Sau khi được hai cụ cho đất, ông đã làm nhà ở và sử dụng diện tích đất được tặng cho từ đó đến nay. Sau khi hai cụ tặng cho ông một phần diện tích đất thì phần di sản còn lại khoảng 1.452m$^2$. Cụ Thán chết năm 2004, cụ Lan chết năm 2005 đều không để lại di chúc.

Sau khi hai cụ chết, các đồng bị đơn mỗi người tự ý chiếm một phần diện tích đất của các cụ để lại và xây nhà ở kiên cố. Riêng ông Đỗ Cao Tr xây nhà ở trên diện tích đất nằm liền kề với phần diện tích đất 400m$^2$ ông được các cụ tặng cho. Khi xây nhà, ông Tr đã lấn chiếm sang diện tích đất ông quản lý sử dụng

khoảng 200m$^2$ và xây tường bao bằng gạch để phân chia ranh giới diện tích đất giữa hai nhà.

Ông Đỗ Văn Th khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế đối với diện tích đất khoảng 1.452m$^2$ của cụ Thán và cụ Lan để lại và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Cao Tr trả lại ông khoảng 200m$^2$ đất mà ông Tr đã lấn chiếm của gia đình ông.

Sau khi Tòa án tiến hành đo đạc, khảo sát toàn bộ diện tích đất, ông Đỗ Văn Th thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông giữ nguyên yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Cao Tr trả lại ông khoảng 36m$^2$ đất mà ông Tr đã lấn chiếm của gia đình ông, ông yêu cầu Tòa án giải quyết bằng hiện vật.

Sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 16-3-2021 ông Đỗ Văn Th có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông xin rút yêu cầu chia di sản thừa kế và giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Cao Tr trả lại ông khoảng 36m$^2$ đất mà ông Tr đã lấn chiếm của gia đình ông và ông yêu cầu Tòa án giải quyết bằng giá trị tài sản.

*- Đồng bị đơn trình bày:*

Đồng bị đơn là ông Đỗ Cao Tr, ông Đỗ Văn Quyết, ông Đỗ Văn Chiến, ông Đỗ Văn Chín không hợp tác làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến, quan điểm.

Ông Đỗ Văn Trai, trong quá trình tố tụng trình bày: Bố mẹ ông là cụ Thán và cụ Lan sinh được 08 người con gồm: Bà Đỗ Thị Hùy (đã chết), ông Đỗ Cao Tr, ông Đỗ Văn Tài (đã chết), ông Đỗ Văn Trai, ông Đỗ Văn Quyết, ông Đỗ Văn Th, ông Đỗ Văn Chiến, ông Đỗ Văn Chín. Khi còn sống hai cụ có diện tích đất ở khoảng 1000m$^2$ tại tổ Đồng Tử 5, phường Phù Liễn, quận KA, thành phố Hải Phòng. Trước khi chết hai cụ có để lại di chúc, hiện ông Tr đang giữ, ông không biết nội dung bản di chúc. Diện tích đất của cụ Thán và cụ Lan chưa chia cho ai hiện tại do các anh em của ông quản lý sử dụng. Ông Th có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Thán và cụ Lan ông không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đỗ Thị Hùy (đã chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Huỳ gồm có ông Vũ Văn Giáp (là chồng bà Hùy), anh Vũ Đức Vinh, anh Vũ Đức Quang, chị Vũ Thị Nhung, chị Vũ Thị Tuyết (là con của bà Hùy). Anh Vinh, anh Quang, chị Nhung, chị Tuyết thống nhất ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Vũ Văn Giáp. Trong quá trình tham gia tố tụng ông Vũ Văn Giáp trình bày bố mẹ vợ ông là cụ Thán và cụ Lan sinh được 08 người con gồm: Bà Đỗ Thị Hùy là vợ ông (đã chết), ông Đỗ Cao Tr, ông Đỗ Văn Tài (đã chết), ông Đỗ Văn Trai, ông Đỗ Văn Quyết, ông Đỗ Văn Th, ông Đỗ Văn Chiến, ông Đỗ Văn Chín. Khi còn sống hai cụ có diện tích đất ở tại tổ Đồng Tử 5, phường Phù Liễn, quận KA, thành phố Hải Phòng, trước khi chết hai cụ không để lại di chúc. Diện tích đất của cụ Thán và cụ Lan hiện tại do các ông Đỗ Cao Tr, vợ và con của ông Đỗ Văn Tài, ông Đỗ Văn Trai, ông Đỗ Văn Quyết, ông Đỗ Văn Th, ông Đỗ Văn Chiến, ông Đỗ Văn Chín quản lý sử dụng. Ông Th có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Thán và cụ Lan cho các con, ông Giáp đồng ý với yêu cầu của ông Th và có quan điểm phần của bà Hùy (vợ ông) được hưởng sẽ chia cho ông và các con của ông. Năm 2018 ông

Giáp chết, các con của ông Giáp và bà Hùy là anh Vũ Đức Vinh, anh Vũ Đức Quang, chị Vũ Thị Nhung và chị Vũ Thị Tuyết không có quan điểm nào khác.

- Bà Nguyễn Thị Bìa (là vợ ông Đỗ Văn Tài), chị Đỗ Thị Biển, chị Đỗ Thị Thảo (là con của ông Đỗ Văn Tài và bà Nguyễn Thị Bìa), không hợp tác làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến, quan điểm.

Bà Vũ Thị Thơm (vợ ông Đỗ Văn Th) đồng ý với quan điểm, ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận KA, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 163, 164, 579 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 7 Điều 166; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia di sản thừa kế. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại vụ án đối với yêu cầu khởi kiện này.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đỗ Cao Tr phải trả ông Đỗ Văn Th và bà Vũ Thị Thơm số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

3. Ông Đỗ Văn Th và bà Vũ Thị Thơm có trách nhiệm đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được cụ Thán và cụ Lan tặng cho hiện ông bà đang quản lý sử dụng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự đều không kháng cáo.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị Bản án sơ thẩm nêu trên. Nội dung kháng nghị thể hiện: Tại Đơn đề nghị về việc xin xác nhận thị thực hành chính trong lĩnh vực giao dịch dân sự về đất ở lập ngày 06 tháng 9 năm 2002 thể hiện: Cụ Thán, cụ Lan tặng cho ông Th và bà Thơm diện tích 400m$^2$ đất. Khi lập Đơn đề nghị gia đình ước lượng, không tiến hành đo đạc chính xác và cắm mốc giới đầy đủ thành phần. Thực tế xem xét thẩm định diện tích đất ông Th, bà Thơm quản lý, sử dụng chỉ có 364m$^2$. Diện tích thực tế này phù hợp với diện tích trong hồ sơ địa chính (thửa số 60 diện tích 361,9m$^2$ mang tên ông Đỗ Văn Th). Tài liệu thẩm định không thể hiện diện tích đất còn thiếu của ông Th nằm ở vị Tr nào, kích thước bao nhiêu, nên chưa đủ cơ sở xác định ông Tr lấn đất của ông Th là 36m$^2$. Mặt khác, phần diện tích đất ông Tr đang quản lý, sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy chưa đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của ông Th. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của ông Th, kết quả thẩm định diện tích đất ông Th đang sử dụng là 364m$^2$ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th là phiến diện, thiếu khách quan, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tr. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 sửa bản án dân sự theo hướng phân tích trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Diện tích được bố mẹ tặng cho là 400m2, từ sau khi được tặng cho đất, vợ chồng ông bà sử dụng ổn định không có tranh chấp về ranh giới, mốc giới với các hộ bên cạnh. Đến năm 2010 khi ông Tr phá cây cối để xây dựng nhà lấn sang phần diện tích gia đình ông sử dụng. Tổng diện tích của bố mẹ ông để lại chưa chia thừa kế cho ai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng là có căn cứ, phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm để tranh chấp không bị kéo dài, ổn định trật tự xã hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về tranh chấp chia di sản thừa kế, bị đơn Đỗ Cao Tr cư trú tại quận KA, thành phố Hải Phòng nên căn cứ Điều 26, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận KA ,thành phố Hải Phòng. Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có quyết định kháng nghị nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên toà, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

- Về nội dung: Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

[3] Về nguồn gốc đất: Tại Biên bản họp xác minh nguồn gốc đất của gia đình cụ Đỗ Văn Thán do UBND phường Phù Liễn lập ngày 16-12-2020 đã xác định: Theo hồ sơ địa chính năm 1998 - 2000 UBND phường Phù Liễn đang quản lý thể hiện: thửa số 133 tờ bản đồ số 299592-2-1 diện tích 242,8m$^2$ mang tên chủ sử dụng đất là cụ Đỗ Văn Thán, thửa số 129 diện tích 121,6m$^2$ mang tên chủ sử dụng đất là cụ Đỗ Văn Thán, thửa số 130 diện tích 839,6m$^2$ mang tên chủ sử dụng đất là cụ Đỗ Văn Thán, thửa số 137 diện tích 336,5m$^2$ mang tên chủ sử dụng đất là ông Đỗ Văn Trai, thửa số 60 diện tích 361,9 m$^2$ mang tên chủ sử dụng đất là ông Đỗ Văn Th. Trong số các thửa này có 02 phần diện tích đất ông Trai và ông Tài được cấp, cụ thể ông Trai được cấp 10 thước tương đương 240m$^2$, ông Tài được cấp 01 sào tương đương 360m$^2$, tổng diện tích đất ông Tài và ông Trai được cấp là 600m$^2$, phần còn lại là diện tích (khoảng 1.302m$^2$) là đất thổ cư của cụ Thán và cụ Lan.

[4] Tại Đơn đề nghị về việc xin xác nhận thị thực hành chính trong lĩnh vực giao dịch dân sự về đất ở lập ngày 06 tháng 9 năm 2002 (hợp đồng tặng cho), cụ Đỗ Văn Thán và cụ Nguyễn Thị Lan đã tặng cho ông Đỗ Văn Th bà Vũ Thị Thơm diện tích 400m$^2$ đất. Việc tặng cho đất có người làm chứng và có xác nhận của chính quyền địa phương. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định cụ Thán và cụ Lan đã tặng cho ông Th, bà Thơm 400m$^2$ đất. Tuy nhiên, khi lập Đơn đề nghị trên gia đình ước lượng, không xác định kích thước cụ thể của diện tích đất này, mà chỉ xác định phần tiếp giáp với diện tích còn lại của hai cụ.

[5] Theo tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thì sau khi được tặng cho diện tích đất trên, ông Th, bà Thơm chưa đăng ký kê khai lại với chính quyền địa phương mà tiếp tục sử dụng diện tích đất và xây sửa nhà cho đến thời điểm ông Th khởi kiện (năm 2010).

[6] Như vậy, có dủ cơ sở khẳng định nguồn gốc diện tích đất tranh chấp nằm trong diện tích đất của cụ Thán và cụ Lan để lại.

[7] Về diện tích đất bị thiếu: Tại cấp phúc thẩm, Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, thể hiện: Hai mặt tiếp giáp thửa đất nhà ông Nhỡ sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Phần giáp mặt ngõ không có biến động. Phần giáp nhà ông Tr có biến động hay không thì địa phương không nắm được. Tuy nhiên, đối với phần đất tiếp giáp với nhà ông Tr, ông Th, bà Thơm khẳng định năm 2010 sau khi cụ Thán và cụ Lan chết ông Tr phá nhà chặt cây cối của cụ Thán và cụ Lan xây nhà mới như hiện nay. Khi xây dựng giữa ông Th bà Thơm với ông Tr không xác định lại mốc giới. Toàn bộ diện tích đất nêu trên của cụ Thán, cụ Lan để lại đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, các con của cụ Thán, cụ Lan đang sử dụng mỗi người một phần trên diện tích đất của cụ Thán, cụ Lan.

[8] Từ phân tích tại Mục [4], [7] có đủ cơ sở khẳng định cụ Thán, cụ Lan tặng cho ông Th bà Thơm 400m$^2$ đất, diện tích đất còn lại của các cụ chưa được phân chia thừa kế, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông Th yêu cầu ông Tr trả lại diện tích đất còn thiếu 36m$^2$ so với diện tích đất bố mẹ

cho là có cơ sở. Tuy nhiên, để đảm bảo sinh hoạt ổn định của các bên nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn trả bằng giá trị là phù hợp.

[9] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bên đương sự đều không kháng cáo. Hơn nữa, các đương sự trong vụ án đều là anh chị em ruột trong gia đình. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phúc thẩm, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 163, 164, 579 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 7 Điều 166; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận ý kiến đề nghị tại phiên tòa phúc thẩm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận KA, thành phố Hải Phòng:

1.1 Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia di sản thừa kế. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại vụ án đối với yêu cầu khởi kiện này.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đỗ Cao Tr phải trả ông Đỗ Văn Th và bà Vũ Thị Thơm số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

1.3. Ông Đỗ Văn Th và bà Vũ Thị Thơm có trách nhiệm đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được cụ Thán và cụ Lan tặng cho hiện ông bà đang quản lý sử dụng.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đỗ Cao Tr.

Ông Đỗ Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Đỗ Văn Th 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 65674 ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Chi cục Thi hành án dân sự quận KA, thành phố Hải Phòng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Văn Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
-VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND quận KA;
- Chi cục THADS quận KA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Bùi Thị Thúy Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đặng Minh Hạnh** **Lê Anh Sơn** **Bùi Thị Thúy Hà**